

Số: 103 /CKDT-THCSTTV

Ngày 20 tháng 5 năm 2025

Biểu 01/CK

BÁO CÁO
Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2024

I. Tình hình công khai ngân sách tại đơn vị

- Về nội dung: Thực hiện quy định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng chính phủ Quyết định số 45/2006/QĐ-UBND và số 46/2006/QĐ-UBND cùng ngày 28/12/2006 của Ủy ban nhân dân quận 8, nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ công chức, nhân dân trong việc giám sát sử dụng vốn, tài sản nhà nước, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính, sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước, tiết kiệm, chống lãng phí.

- Về hình thức: Niêm yết dán bảng

- Về thời gian: Ngày 13 tháng 5 năm 2025

Tự đánh giá thực hiện công khai ngân sách (đánh dấu x)						Ghi chú
Nội dung		Hình thức		Thời gian		
Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian quy định	Chưa đúng thời gian quy định	
X		X		X		

II. Tình hình thực hiện công khai tài chính đối với thông báo quyết toán ngân sách năm 2024

Thông báo số 117/TB-TCKH ngày 09/5/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 8 xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh Tùng

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường Trung học cơ sở Tùng Thiện Vương.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ thông báo 117/TB-TCKH ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 8 xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các tổ chuyên môn nghiệp vụ và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC- KH Q.8;
- Phòng GDĐT Q.8;
- Lưu :VT.



Trần Thanh Tùng

Số: 117/TB-TCKH

Quận 8, ngày 09 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

**Đơn vị được thông báo: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TÙNG THIỆN VƯƠNG
Mã chương: 622.070.073**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Tùng Thiện Vương và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 và Trường Trung học cơ sở Tùng Thiện Vương.

Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 (không bao gồm các khoản thu hộ - chi hộ và nguồn Tài trợ) của Trường Trung học cơ sở Tùng Thiện Vương như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí: Không có

- Tổng số thu trong năm:	0 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước:	0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại:	0 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	996.016.639 đồng
--	------------------

Trong đó:

Kinh phí thường xuyên:	698.292.240 đồng
------------------------	------------------

Kinh phí không thường xuyên:	297.724.399 đồng
------------------------------	------------------

- Dự toán được giao trong năm:	29.455.800.000 đồng,
--------------------------------	----------------------

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm:	24.480.000.000 đồng;
-------------------------	----------------------

+ Dự toán bổ sung trong năm:	4.975.800.000 đồng;
------------------------------	---------------------

+ Dự toán giảm trong năm:	0 đồng
---------------------------	--------

- Kinh phí thực nhận trong năm:	28.896.496.249 đồng;
---------------------------------	----------------------

- Kinh phí quyết toán:	28.896.496.249 đồng;
------------------------	----------------------

- Kinh phí giảm trong năm (dự toán bị hủy):	275.608.142 đồng;
---	-------------------

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:
1.279.712.248 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 1.279.712.248 đồng;

Trong đó:

- Kinh phí thường xuyên (kinh phí nguồn 13): 0 đồng

- Kinh phí thường xuyên (kinh phí nguồn 14): 698.292.240 đồng

- Kinh phí không thường xuyên (kinh phí nguồn 14): 581.420.008 đồng

- Kinh phí không thường xuyên (kinh phí nguồn 12): 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không có

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

a) **Số liệu quyết toán:** do Phòng Tài chính – Kế hoạch xét duyệt khớp đúng với số liệu báo cáo quyết toán của đơn vị, cụ thể:

Đvt: đồng

Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí thường xuyên	Kinh phí không thường xuyên
Cộng	28.896.496.249	12.791.512.000	16.104.984.249
Chi tiền lương, phụ cấp lương	9.977.700.853	9.977.700.853	
Các khoản đóng góp theo lương	1.886.587.149	1.886.587.149	
Chi tiền công	73.890.000	73.890.000	
Các khoản trợ cấp, công tác phí...	217.486.800	217.486.800	
Chi vật tư, công cụ, dịch vụ	40.771.089	40.771.089	
Chi hoạt động chuyên môn	0	0	
Chi khen thưởng theo chế độ quy định/Tiền thưởng	411.372.000		411.372.000
Chi trích lập các quỹ của đơn vị sự nghiệp theo cơ chế tự chủ: - Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 89.261.416 đồng (15%) - Quỹ bổ sung thu nhập: 0 đồng - Quỹ phúc lợi: 335.814.693 đồng - Quỹ khen thưởng: 170.000.000 đồng	595.076.109	595.076.109	
Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND	9.169.792.391		9.169.792.391

Nội dung chi	Tổng cộng	Kinh phí thường xuyên	Kinh phí không thường xuyên
Chi phụ cấp giáo viên giảng dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập	416.069.643		416.069.643
Chi trả lương thêm giờ đối với giáo viên	248.980.215		248.980.215
Chi hỗ trợ viên chức làm công tác y tế trường học	0		0
Chi cấp bù miễn, giảm học phí	8.920.000		8.920.000
Chi hỗ trợ chi phí học tập	76.050.000		76.050.000
Chi chính sách đặc thù hỗ trợ học phí năm học 2023-2024 (theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023)	5.773.800.000		5.773.800.000

b) Kinh phí chuyển sang năm sau:**1.279.712.248 đồng**

- Kinh phí thường xuyên:

698.292.240 đồng

(Nguồn 14: Cải cách tiền lương)

- Kinh phí không thường xuyên:

591.420.008 đồng

*(Kinh phí Nguồn 14: Cải cách tiền lương)***c) Kinh phí hủy dự toán:****275.608.142 đồng**

- Kinh phí thường xuyên :

0 đồng

- Kinh phí không thường xuyên:

275.608.142 đồng

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Chênh lệch thu lớn hơn chi năm trước chuyển sang:

0 đồng

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:

4.775.981.238 đồng,

- Trích lập các Quỹ:

2.842.788.743 đồng

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ nguồn thu sự nghiệp được để lại đơn vị trích vào Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp theo Nghị quyết số 119/NQ-CP: 38.000.000 đồng

- Kinh phí cải cách tiền lương (*):

1.895.192.495 đồng

- Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối:

0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b).

(*) Trích nguồn cải cách tiền lương:

ĐVT: đồng

Stt	Nguồn	Doanh thu trong năm	Chi phí trong năm (kể cả thuế thu nhập doanh nghiệp)	Thặng dư	Số trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (KP tiết kiệm 5%)	Số trích cải cách tiền lương
1	Thu dịch vụ khác	11.880.125.617	7.104.144.379	4.775.981.238	38.000.000	1.895.192.495
	Tổng cộng	11.880.125.617	7.104.144.379	4.775.981.238	38.000.000	1.895.192.495

Số kinh phí tiết kiệm năm 2024 từ nguồn thu dịch vụ để tính trích nguồn cải cách tiền lương (4.775.981.238 đồng (thặng dư) - 38.000.000 đồng (tiết kiệm 5%): $4.699.981.238 \text{ đồng} \times 40\% = 1.879.992.495 \text{ đồng}$ (số trích tối thiểu).

III. Nhận xét và kiến nghị:

Kết quả xét duyệt quyết toán theo hồ sơ, báo cáo của đơn vị cung cấp. Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 không kiểm tra quy trình thực hiện lựa chọn nhà thầu, không xác minh, đối chiếu thực tế với chứng từ phát sinh tại đơn vị. Do giới hạn về thời gian, Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 không thực hiện kiểm tra chứng từ của đơn vị.

Đơn vị chịu trách nhiệm: Về việc chấp hành đúng chế độ, chính sách của Nhà nước, về tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán, báo cáo tài chính và tính hợp pháp của chứng từ; chịu trách nhiệm trong thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu theo quy định.

1. Nhận xét:

1.1 Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính:

Báo cáo năm 2024 đơn vị nộp đúng thời gian quy định.

Việc gửi báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2024 qua phần mềm Tổng hợp quyết toán (<https://thqt.imas.vn>) theo đúng quy định.

1.2 Về các mẫu báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính:

Báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2024 đơn vị lập đầy đủ các biểu mẫu, có thuyết minh báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính.

1.3 Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

a) Về mua sắm, quản lý sử dụng tài sản:

Trong năm đơn vị phát sinh mua sắm tài sản, cụ thể như sau:

- Mua sắm 55 bộ bàn ghế học sinh hai chỗ ngồi từ nguồn thu Học phí, giá trị dự toán: 91.850.000 đồng (theo Công văn số 2682/UBND – PTCKH ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về mua sắm bàn ghế học sinh của trường Tiểu

học An Phong, THCS Tùng Thiện Vương, THCS Suong Nguyệt Anh), giá trị quyết toán: 91.850.000 đồng.

- Mua sắm từ nguồn thu sự nghiệp cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kệ sách thư viện di động	04	1.950.000	7.800.000
2	Bục và tượng Bác	01	3.613.727	3.613.727
3	Quạt công nghiệp (Nhà ăn bán trú)	05	2.494.800	12.474.000
4	Thùng rác nhựa 120 L	09	1.080.000	9.720.000
5	Máy bộ đàm cầm tay	04	1.210.000	4.840.000
Tổng cộng				38.447.727

- Trong năm đơn vị nhận tài trợ 01 màn hình Led số tiền: 88.000.000 đồng.

Đơn vị có hạch toán tăng tài sản, nguyên giá tài sản trên bảng cân đối số phát sinh khớp đúng số liệu báo cáo của chương trình quản lý tài sản. Cuối năm đơn vị có tính hao mòn tài sản cố định và hạch toán số hao mòn tài sản cố định thông qua chương trình IMAS, có thực hiện kiểm kê tài sản cố định và công cụ, dụng cụ theo quy định.

Đơn vị đã cập nhật tài sản vào phần mềm quản lý tài sản nhà nước tại trang thông tin điện tử <http://qltsnn.mof.gov.vn>.

* Về sửa chữa trụ sở:

Trong năm đơn vị có phát sinh sửa chữa từ nguồn thu như: Sửa chữa trần các lớp, số tiền: 19.080.000 đồng; sửa chữa nhà vệ sinh, số tiền: 18.779.000 đồng.

b) Về quản lý nguồn thu:

Đơn vị thực hiện mở các loại sổ kế toán cần thiết theo quy định.

Tiền mặt tồn đến cuối năm 2024 trên sổ quỹ tiền mặt là 0 đồng.

Tài khoản tiền gửi tồn đến ngày 31/12/2024 trên sổ kế toán (bảng cân đối số phát sinh) khớp đúng với số tồn tại Kho bạc nhà nước là 7.225.435.648 đồng; Tiền gửi ngân hàng là 3.205.346.234 đồng.

Cuối năm đơn vị có thực hiện khóa sổ và kiểm kê quỹ tiền mặt.

c) Về chế độ thu nộp ngân sách:

- Theo báo cáo của đơn vị, đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp các nguồn thu năm 2023 là 95.986.131 đồng, trích nộp thuế thu nhập doanh nghiệp các nguồn thu năm 2024 là 128.847.644 đồng (đơn vị chưa nộp).

- Đơn vị thu nộp quỹ phòng, chống thiên tai: 3.720.000 đồng

(93 viên chức x 40.000 đồng/người), giấy nộp tiền ngày 06/5/2025.

d) Về chế độ chi tiêu:

Đơn vị có thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2024. Công khai quyết toán ngân sách năm 2023.

Trong năm đơn vị có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, trong quy chế đơn vị nêu cụ thể định mức cho từng nội dung chi và nguồn chi.

đ) Về hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước:

Đơn vị hạch toán kế toán kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định; hạch toán mục lục ngân sách theo quy định.

e) Về công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán:

Đơn vị đã thực hiện công tác tự kiểm tra tại đơn vị và gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra về Phòng Tài chính - Kế hoạch. Qua kiểm tra, Trường Trung học cơ sở Tùng Thiện Vương chưa phát hiện có sai phạm về nguyên tắc tài chính - kế toán.

Đơn vị có thực hiện việc kiểm kê quỹ tiền mặt định kỳ hàng tháng và kiểm kê đột xuất 04 lần trong năm 2024.

f) Nguồn cải cách tiền lương:

ĐVT: đồng

Nội dung	Tổng cộng	Nguồn ngân sách thường xuyên	Nguồn ngân sách không thường xuyên	Nguồn thu đơn vị
-Số năm trước chuyển sang	2.611.580.479	698.292.240	297.724.399	1.615.563.840
- Số Cải cách tiền lương trong năm	11.348.680.495	0	9.453.488.000	1.895.192.495
-Số đã sử dụng trong năm	11.206.341.913	0	9.169.792.391	2.036.549.522
+ Chi tăng lương cơ sở	2.036.549.522	0	0	2.036.549.522
+ Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND	9.169.792.391	0	9.169.792.391	0
- Số chuyển sang năm sau	2.753.919.061	698.292.240	581.420.008	1.474.206.813

g) Về trích lập quỹ:

Sau khi thẩm tra báo cáo năm 2024, Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 thống nhất số trích lập quỹ của đơn vị từ nguồn tiết kiệm năm 2024 là 3.437.864.852 đồng (trong đó: số tiết kiệm chưa phân phối năm trước chuyển sang: 0 đồng, số trích quỹ từ tiết kiệm ngân sách: 595.076.109 đồng, tiết kiệm từ nguồn thu: 2.842.788.743 đồng), thanh lý tài sản là: đồng, tiết kiệm 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP: 38.000.000 đồng gồm:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (trong đó: tiết kiệm 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP: 38.000.000 đồng, từ tiết kiệm: 515.679.727 đồng/3.437.864.852 đồng, tỷ lệ: 15%)	553.679.727
2	Quỹ bổ sung thu nhập (Tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định): 11.866.288.002 đồng x 2 lần: 23.732.576.004 đồng	1.748.385.000
3	Quỹ khen thưởng	170.000.000
4	Quỹ phúc lợi Tổng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi là 1.173.800.125 đồng (mức trích tối đa không quá 2 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm): 9.979.700.853 đồng (tiền lương chi từ ngân sách) + 2.036.549.522 đồng (tiền lương chi từ nguồn CCTL nguồn thu)+ Tiền công: 73.890.000 đồng: 10.053.590.853 đồng/12 tháng x 2 tháng = 1.675.598.475 đồng	1.003.800.125

h) Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau:

- Kinh phí chuyển năm sau sử dụng: 6.174.298.822 đồng
- + Kinh phí ngân sách thường xuyên: 698.292.240 đồng
- + Kinh phí ngân sách không thường xuyên: 581.420.008 đồng
- + Nguồn thu của đơn vị: 3.420.379.761 đồng

(Trong đó: Nguồn thu sự nghiệp: 3.408.799.677 đồng, Lãi tiền gửi ngân hàng: 11.580.084 đồng).

- + Kinh phí cải cách tiền lương từ nguồn thu 1.474.206.813 đồng
- Thặng dư chưa phân phối: 0 đồng

2. Kiến nghị:

- Thực hiện Quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị đúng quy định.
- Đối với các khoản thu đề nghị đơn vị thực hiện theo quy định về nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. *TKK*

Nơi nhận:

- Trường THCS Tùng Thiện Vương Q8;
- Lưu: VT, KTT, TK.Thg/4



TRƯỞNG PHÒNG

Đoàn Thị Anh Đào
Đoàn Thị Anh Đào



ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÙNG THIÊN VƯƠNG

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 117/TB-TCKH ngày 09 tháng 5 năm 2025)

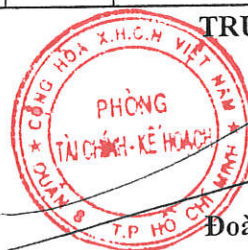
Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số tiền
A	B		C
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp		
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1	29.375.191.759
	a. Từ NSNN cấp	2	29.375.191.759
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3	
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4	
2	Chi phí (05=06+07+08)	5	28.780.115.650
	a. Chi phí hoạt động	6	28.780.115.650
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7	
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8	
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	9	595.076.109
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1	Doanh thu	10	11.880.125.617
2	Chi phí	11	6.975.296.735
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	4.904.828.882
III	Hoạt động tài chính		
1	Doanh thu	20	0
2	Chi phí	21	0
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	0
IV	Hoạt động khác		
1	Thu nhập khác	30	0
2	Chi phí khác	31	0
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32	0
V	Chi phí thuế TNDN	40	128.847.644
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	5.371.057.347
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thu nhập tăng thêm	51	0
2	Phân phối cho các quỹ	52	3.475.864.852
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	11.064.984.886


Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thắng

TRƯỞNG PHÒNG




Đoàn Thị Anh Đào



SỐ LIỆU XÉT DUYỆT
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÙNG THIÊN VƯƠNG
(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 14/TB-TCKH ngày 09 tháng 5 năm 2025)

Phần I. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số	Loại 070-072
A	B	1	2
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC		
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	996.016.639	996.016.639
1.1	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	<i>698.292.240</i>	<i>698.292.240</i>
	- Kinh phí đã nhận		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	698.292.240	698.292.240
1.2	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>297.724.399</i>	<i>297.724.399</i>
	- Kinh phí đã nhận		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	297.724.399	297.724.399
2	Dự toán được giao trong năm	29.455.800.000	29.455.800.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	<i>12.791.512.000</i>	<i>12.791.512.000</i>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>16.664.288.000</i>	<i>16.664.288.000</i>
3	Tổng số được sử dụng trong năm	30.451.816.639	30.451.816.639
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	<i>13.489.804.240</i>	<i>13.489.804.240</i>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>16.962.012.399</i>	<i>16.962.012.399</i>
4	Kinh phí thực nhận trong năm	28.896.496.249	28.896.496.249
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	<i>12.791.512.000</i>	<i>12.791.512.000</i>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>16.104.984.249</i>	<i>16.104.984.249</i>
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	28.896.496.249	28.896.496.249
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	<i>12.791.512.000</i>	<i>12.791.512.000</i>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>16.104.984.249</i>	<i>16.104.984.249</i>
6	Kinh phí giảm trong năm	275.608.142	275.608.142
6.1	<i>Kinh phí thường xuyên</i>		
	- Đã nộp NSNN:		
	- Còn phải nộp NSNN:		
	-Dự toán bị hủy		
6.2	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>275.608.142</i>	<i>275.608.142</i>
	- Đã nộp NSNN:		
	- Còn phải nộp NSNN:		
	-Dự toán bị hủy	275.608.142	275.608.142
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	1.279.712.248	1.279.712.248
7.1	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	<i>698.292.240</i>	<i>698.292.240</i>
	- Kinh phí đã nhận		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	698.292.240	698.292.240
7.2	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>581.420.008</i>	<i>581.420.008</i>
	- Kinh phí đã nhận		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	581.420.008	581.420.008
B	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI		
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang		
	- <i>Kinh phí thường xuyên</i>		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
2	Dự toán được giao trong năm		
	- <i>Kinh phí thường xuyên</i>		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên</i>		



Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số	Loại 070-072
A	B	1	2
3	Số thu được trong năm		
	- <i>Kinh phí thường xuyên</i>		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm		
	- <i>Kinh phí thường xuyên</i>		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán		
	- <i>Kinh phí thường xuyên</i>		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên</i>		
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán		
	- <i>Kinh phí thường xuyên</i>		
	- <i>Kinh phí không thường xuyên</i>		

Phần II- CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN: Trường trung học cơ sở Tùng Thiện Vương(1038154)

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Ngân sách trong nước
A	B	C	D	E	1	2
Tổng số:					28.896.496.249	28.896.496.249
I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ					12.791.512.000	12.791.512.000
Kinh phí giao tự chủ, giao khoán 13					12.791.512.000	12.791.512.000
070				Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	12.791.512.000	12.791.512.000
070	073			Giáo dục trung học cơ sở	12.791.512.000	12.791.512.000
070	073	6000		Tiền lương	6.860.447.069	6.860.447.069
070	073	6000	6001	Lương theo ngạch, bậc	6.860.447.069	6.860.447.069
070	073	6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	73.890.000	73.890.000
070	073	6050	6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	73.890.000	73.890.000
070	073	6100		Phụ cấp lương	3.117.253.784	3.117.253.784
070	073	6100	6101	Phụ cấp chức vụ	87.025.394	87.025.394
070	073	6100	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	2.036.385.317	2.036.385.317
070	073	6100	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	22.421.846	22.421.846
070	073	6100	6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	971.421.227	971.421.227
070	073	6300		Các khoản đóng góp	1.886.587.149	1.886.587.149
070	073	6300	6301	Bảo hiểm xã hội	1.360.019.415	1.360.019.415
070	073	6300	6302	Bảo hiểm y tế	240.003.429	240.003.429
070	073	6300	6303	Kinh phí công đoàn	160.002.272	160.002.272
070	073	6300	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	86.561.462	86.561.462
070	073	6300	6349	Các khoản đóng góp khác	40.000.571	40.000.571
070	073	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	217.486.800	217.486.800
070	073	6400	6449	Chi khác	217.486.800	217.486.800
070	073	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	40.771.089	40.771.089
070	073	6500	6501	Tiền điện	22.250.878	22.250.878
070	073	6500	6502	Tiền nước	16.851.120	16.851.120
070	073	6500	6504	Tiền vệ sinh, môi trường	1.669.091	1.669.091
070	073	7950		Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	595.076.109	595.076.109
070	073	7950	7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	335.814.693	335.814.693
070	073	7950	7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	170.000.000	170.000.000
070	073	7950	7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	89.261.416	89.261.416
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương 14						
070				Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
070	073			Giáo dục trung học cơ sở		
II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ					16.104.984.249	16.104.984.249
Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán 12					6.523.819.858	6.523.819.858
070				Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.523.819.858	6.523.819.858
070	073			Giáo dục trung học cơ sở	6.523.819.858	6.523.819.858
070	073	6100		Phụ cấp lương	665.049.858	665.049.858



Phần II- CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN: Trường trung học cơ sở Tùng Thiện Vương(1038154)

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Ngân sách trong nước
A	B	C	D	E	1	2
070	073	6100	6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	248.980.215	248.980.215
070	073	6100	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	416.069.643	416.069.643
070	073	6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	76.050.000	76.050.000
070	073	6150	6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	76.050.000	76.050.000
070	073	7750		Chi khác	5.782.720.000	5.782.720.000
070	073	7750	7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	5.782.720.000	5.782.720.000
				Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương 14	9.169.792.391	9.169.792.391
070				Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	9.169.792.391	9.169.792.391
070	073			Giáo dục trung học cơ sở	9.169.792.391	9.169.792.391
070	073	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	9.169.792.391	9.169.792.391
070	073	6400	6449	Chi khác	9.169.792.391	9.169.792.391
				Kinh phí nguồn quỹ tiền thưởng 18	411.372.000	411.372.000
070				Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	411.372.000	411.372.000
070	073			Giáo dục trung học cơ sở	411.372.000	411.372.000
070	073	6200		Tiền thưởng	411.372.000	411.372.000
070	073	6200	6249	Thưởng khác	411.372.000	411.372.000

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thắng



TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Thị Anh Đào